

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THÀNH PHẦN THÁI ĐỘ ĐẾN Ý ĐỊNH CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG THAM GIA PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Mã số: 100.3TRMg.31

Lê Chí Công

Đại học Nha Trang

Email: lechicongntu@yahoo.com

Đoàn Nguyễn Khánh Trân

Đại học Nha Trang

Email: Trandnk@ntu.edu.vn

Nguyễn Văn Ngọc

Email: ngocnv@ntu.edu.vn

Đại học Nha Trang

Ngày nhận: 08/11/2016

Ngày nhận lại: 21/11/2016

Ngày duyệt đăng: 25/11/2016

Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết với cộng đồng địa phương. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp hạn ngạch với 200 phiếu phát ra tại thành phố Quy Nhơn. Kết quả 04/05 giả thuyết đưa ra được ủng hộ khi chỉ ra rằng bốn nhân tố: (1) thái độ đối với bảo vệ môi trường; (2) thái độ đối với bảo vệ tài nguyên du lịch; (3) thái độ đối với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch; (4) thái độ đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương và gìn giữ an ninh trật tự xã hội tác động thuận chiều đến ý định tham gia phát triển du lịch bền vững. Kết quả cho phép nhà nghiên cứu, quản lý ngành du lịch có cái nhìn toàn diện đến vai trò quan trọng của cư dân địa phương trong phát triển bền vững du lịch biển đảo.

Từ khóa: Thái độ cộng đồng; ý định tham gia phát triển du lịch; du lịch biển

1. Giới thiệu

Việt Nam với lợi thế tài nguyên du lịch phong phú đã vươn lên trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước. Năm 2015, cả nước đón tiếp và phục vụ trên 7,9 triệu lượt khách (tăng 5% so với năm 2014), 57 triệu lượt khách nội địa (tăng 48%). Đây là được xem là thành công của du lịch Việt Nam bởi vì trong năm 2015, ngành du lịch

gặp phải những khó khăn, thách thức không nhỏ vì tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, căng thẳng chính trị giữa một số quốc gia, xung đột sắc tộc, kinh tế thế giới hồi phục chậm và không đồng đều giữa các nền kinh tế sau suy thoái toàn cầu. Tuy nhiên, sự phát triển ngành du lịch đang đối mặt với thách thức không nhỏ liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Việc phát

triển du lịch hiện nay bên cạnh phát triển đồng bộ các sản phẩm du lịch có chất lượng, có khả năng thu hút khách cao, song lại không gây phương hại đến môi trường địa phương và văn hóa bản địa, thậm chí phải có trách nhiệm bảo tồn và phát triển chúng (Phạm Trung Lương, 2002). Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO (2005) chỉ ra rằng để phát triển du lịch bền vững cần phải tập trung vào các khía cạnh: (1) Môi trường: sử dụng tốt nhất các tài nguyên môi trường đóng vai trò chủ yếu trong phát triển du lịch, duy trì quá trình sinh thái thiết yếu, và giúp duy trì di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học tự nhiên; (2) Văn hóa - xã hội: tôn trọng tính trung thực về xã hội và văn hóa của người dân, bảo tồn di sản văn hóa và các giá trị truyền thống đã được xây dựng và đang sống động, đóng góp vào sự hiểu biết và chia sẻ liên văn hóa; (3) Kinh tế: bảo đảm sự hoạt động kinh tế tồn tại lâu dài, cung cấp những lợi ích kinh tế xã hội tới tất cả những người hưởng lợi và được phân bổ một cách công bằng, bao gồm cả những nghề nghiệp và cơ hội thu lợi nhuận ổn định và các dịch vụ xã hội cho người dân và đóng góp vào việc xóa đói giảm nghèo. Như vậy, sự tham gia tích cực của người dân vào chương trình phát triển du lịch bền vững tại địa phương là một trong những giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững (Phạm Trung Lương, 2002).

Là địa phương nằm trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định được thiên nhiên ban tặng cảnh quan đa sắc màu với bờ biển dài, núi non trùng điệp, nhiều địa danh nổi tiếng gắn liền với các di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Là nguồn tài nguyên to lớn cho sự phát triển các sản phẩm về du lịch nghỉ dưỡng biển. Ngoài ra, với các dạng địa hình phong phú đã tạo nên một bức tranh thiên nhiên đặc sắc hòa quyện giữa đồng bằng, đồi núi, sông suối, và biển cả với nhiều thắng cảnh độc đáo: bên cạnh di sản thiên nhiên biển đảo phong phú, Bình Định còn là nơi tập trung nhiều giá trị văn hóa lịch sử và văn

học dân tộc. Theo thống kê của Phòng Nghiệp vụ du lịch, 9 tháng đầu năm 2015, tổng số khách du lịch đến Bình Định ước trên 2,113 triệu lượt người, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2014; trong đó khách quốc tế 167.288 lượt người, tăng 23%. Tổng doanh thu du lịch 9 tháng ước trên 832 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2014.

Nghiên cứu và thực tiễn kinh doanh du lịch chỉ ra rằng khi một điểm đến du lịch thu hút được nhiều du khách thì nhu cầu sản phẩm của dịch vụ du lịch tại địa phương sẽ tăng, kéo theo thái độ tích cực trong tham gia vào du lịch của cư dân địa phương. Do vậy, để phát triển du lịch bền vững, các bên liên quan trong ngành cần phải hiểu rõ về môi trường kinh doanh du lịch, hiểu rõ thái độ của cộng đồng người dân địa phương và điều gì giúp họ có được thái độ tích cực đối với sự phát triển của du lịch biển đảo. Nghiên cứu gần đây trên thế giới chỉ ra rằng cộng đồng địa phương đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch (Hall và cộng sự, 2005). Tuy nhiên, nhận thức và chủ động phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch vẫn còn hạn chế ở Việt Nam nói chung và thành phố biển Quy Nhơn - Bình Định nói riêng. Vì vậy, nghiên cứu nhằm khám phá các thành phần thuộc về thái độ của cộng đồng dân cư địa phương ảnh hưởng đến ý định tham gia phát triển du lịch biển đảo sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của ngành thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Cộng đồng địa phương và ý định tham gia phát triển du lịch bền vững

Cộng đồng dân cư địa phương (hay cộng đồng địa phương) là một khái niệm về tổ chức xã hội đã được nhiều nhà nghiên cứu đưa ra trong các công trình khoa học với các ngữ nghĩa khác nhau. Theo Bender (2007) mô tả các cộng đồng địa phương là "Nhóm người với một bản sắc chung và những người có thể được tham gia vào một loạt các hoạt động liên quan đến các khía

ạnh của đời sống". Họ cũng lưu ý rằng "Cộng đồng địa phương thường có quyền liên quan đến các khu vực, tài nguyên thiên nhiên và một mối quan hệ mạnh mẽ với khu vực văn hóa, xã hội, kinh tế và tinh thần". Nghiên cứu của Hanafiah và cộng sự (2010) lập luận rằng cộng đồng địa phương "là một cộng đồng, trong đó để cập đến các cá nhân trong một nhóm, cùng sinh sống và làm việc trong cùng một khu vực địa lý với cùng một nền văn hóa và chia sẻ cùng một lợi ích chung". Trong nghiên cứu này các tác giả sẽ sử dụng khái niệm cộng đồng địa phương là những cư dân cùng sinh sống trong cùng một khu vực địa lý của một đất nước.

Sự phát triển du lịch dựa trên cộng đồng được xem là một phương án để phát triển hoạt động kinh tế của địa phương. Mô hình này đem lại nhiều lợi ích quan trọng như: tạo ra sinh kế cho người dân địa phương, xây dựng được thương hiệu cho điểm du lịch, gia tăng sự hài lòng của du khách cũng như xây dựng nhận thức tốt về vấn đề môi trường (Lee, 2012). Nghiên cứu này dựa trên các lý thuyết sử dụng khá phổ biến trong nhiều nghiên cứu gồm lý thuyết trao đổi xã hội (Emerson, 1962), lý thuyết hành vi có dự tính (Ajzen, 1991) và lý thuyết giá trị kỳ vọng (Vroom, 1964) để xây dựng mô hình nghiên cứu. Lý thuyết TPB (Ajzen, 1991) giả định rằng một hành vi có thể được dự báo hoặc giải thích bởi các ý định để thực hiện hành vi đó. Các ý định được giả định bao gồm các nhân tố động cơ ảnh hưởng đến hành vi và được xem như là mức độ nỗ lực mà mọi người cố gắng để thực hiện hành vi đó (Ajzen, 1991). Giá trị của lý thuyết hành vi có dự tính đã được khẳng định bởi việc áp dụng rộng rãi lý thuyết này trong rất nhiều lĩnh vực nghiên cứu trong suốt thời gian dài. Trong lĩnh vực du lịch, lý thuyết này cũng được ứng dụng khá phổ biến (Choi và Sirakaya, 2005). Như vậy, để có thể dự đoán sự tham gia của cộng đồng địa phương vào việc phát triển hoạt động du lịch bền vững cần căn cứ trên các biến số thái độ của người dân.

Dưới đây, bài báo xin phân tích cụ thể các thành phần của thái độ.

2.2. Thái độ của cộng đồng địa phương đến phát triển du lịch

Lợi ích cá nhân mà cộng đồng địa phương thu được từ phát triển du lịch có thể tạo ra thái độ tiêu cực và tích cực đến sự phát triển du lịch (Choi và Sirakaya, 2005). Đối với cộng đồng địa phương, du lịch không chỉ có những tác động đến kinh tế mà còn tác động đến cuộc sống của cá nhân họ. Du lịch tác động lên cách sống, truyền thống văn hóa cũng như sinh kế của họ. Cộng đồng địa phương sẽ phải giải quyết với du lịch cho dù họ có chọn hay không. Nghiên cứu thái độ của dân cư địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá tình hình phát triển du lịch (Choi và Sirakaya, 2005).

Mô hình nghiên cứu đưa ra dựa trên nền tảng lý thuyết phát triển du lịch bền vững, lý thuyết hành vi dự định TPB ứng dụng cho du lịch và lý thuyết thái độ. Mô hình nghiên cứu khai thác thành phần thái độ (đối với các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch) ảnh hưởng đến ý định của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch bền vững. Các thành phần thái độ đối với phát triển du lịch bền vững của cộng đồng địa phương bao gồm có năm thành phần: (1) Thái độ đối với bảo vệ môi trường; (2) Thái độ đối với bảo vệ tài nguyên du lịch; (3) Thái độ đối với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh; (4) Thái độ đối với bảo vệ giá trị bản sắc văn hóa địa phương; (5) Thái độ đối với giữ gìn an ninh, trật tự xã hội cho phát triển du lịch.

Thái độ của cộng đồng đối với bảo vệ môi trường, nghiên cứu trước chỉ ra rằng cộng đồng càng có ý thức tốt với bảo vệ môi trường, nỗ lực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường với thái độ tích cực. Họ càng có mong muốn/ý định/dự định tham gia các hoạt động bảo vệ du lịch bền vững (Kim, Yun và Lee, 2014; Eshliki và Kaboudi, 2001). Từ kết quả nghiên cứu trên, trong nghiên cứu này tác giả cho rằng một khi cộng đồng có ý

thức, thái độ tích cực với việc bảo vệ môi trường, ý định/khả năng tham gia các chương trình du lịch bền vững càng cao. Vì vậy, giả thuyết H1 được đề xuất như sau:

H1: Thái độ tích cực với việc bảo vệ môi trường, ý định tham gia các chương trình phát triển du lịch bền vững càng tăng

Tài nguyên du lịch, dù là tài nguyên tự nhiên hay tài nguyên văn hóa, các nghiên cứu trước cho thấy rằng cộng đồng càng có ý thức tốt với bảo vệ tài nguyên du lịch, các tài nguyên văn hóa càng được tích cực bảo vệ và phát huy các giá trị của nó, tài nguyên thiên nhiên được tôn trọng và bảo vệ tính nguyên sơ. Họ càng có mong muốn/ý định/dự định tham gia các hoạt động bảo vệ du lịch bền vững (Eshliki và Kaboudi, 2001). Từ kết quả nghiên cứu trên, trong nghiên cứu này tác giả cho rằng một khi cộng đồng có ý thức, thái độ tích cực với việc bảo vệ tài nguyên du lịch, ý định/khả năng tham gia các chương trình du lịch bền vững càng cao. Vì vậy, giả thuyết H2 được đề xuất như sau:

H2: Thái độ tích cực với việc bảo vệ tài nguyên du lịch, ý định tham gia các chương trình phát triển du lịch bền vững càng tăng

Cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch tốt sẽ mang lại sự nhanh chóng và thuận tiện cho sinh hoạt của cộng đồng cũng như phục vụ tốt cho việc phát triển du lịch. Các nghiên cứu chỉ ra rằng người dân có thái độ tốt đối với bảo vệ cơ sở vật chất - hạ tầng, họ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ cơ sở vật chất - hạ tầng. Họ càng có mong muốn/ý định/dự định tham gia các hoạt động bảo vệ du lịch bền vững (Eshliki và Kaboudi, 2001). Từ kết quả nghiên cứu trên, trong nghiên cứu này tác giả cho rằng một khi cộng đồng có ý thức, thái độ tích cực với việc bảo vệ cơ sở vật chất - hạ tầng, ý định/khả năng tham gia các chương trình du lịch bền vững càng cao. Vì vậy, giả thuyết H3 được đề xuất như sau:

H3: Thái độ tích cực với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch, ý định tham gia các chương trình phát triển du lịch bền vững càng tăng

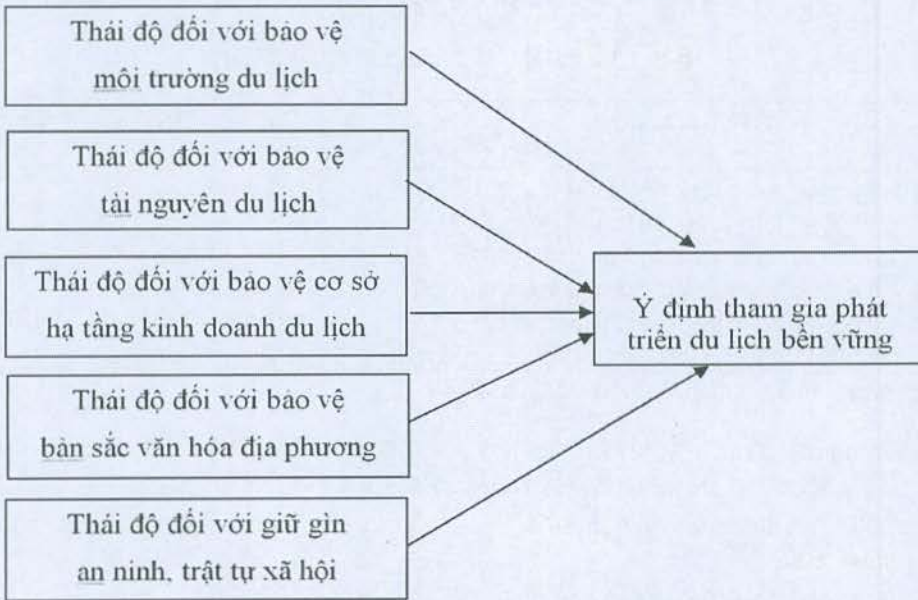
Một trong những thách thức lớn nhất đối với du lịch bền vững là sự ô nhiễm văn hóa, ô nhiễm văn hóa được đặc trưng bởi việc từ bỏ các truyền thống địa phương và các giá trị, việc này gián tiếp thông qua do giao thương và du lịch quốc tế (Reinfeld, 2003). Thái độ tích cực đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương thể hiện qua việc người dân hào hứng với các hoạt động lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa địa phương, các hoạt động ca, múa, nhạc, các lễ hội được người dân hưởng ứng nhiệt tình. Họ càng có mong muốn/ý định/dự định tham gia các hoạt động bảo vệ du lịch bền vững (Eshliki và Kaboudi, 2001). Từ kết quả nghiên cứu trên, trong nghiên cứu này tác giả cho rằng một khi cộng đồng có ý thức, thái độ tích cực giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, ý định/khả năng tham gia các chương trình du lịch bền vững càng cao. Vì vậy, giả thuyết H4 được đề xuất như sau:

H4: Thái độ tích cực với việc bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương, ý định tham gia các chương trình phát triển du lịch bền vững càng tăng

Mặc dù giữ gìn an ninh, an toàn trật tự xã hội là nhiệm vụ chính của công an, chính quyền địa phương, nhưng một khi có sự giúp sức, đấu tranh chống tệ nạn xã hội của người dân thì công tác giữ gìn an ninh, an toàn trật tự xã hội được đảm bảo hơn. Các nghiên cứu trước chỉ ra rằng thái độ tốt của người dân đối với việc giữ gìn an ninh, an toàn trật tự xã hội họ đấu tranh làm cho xã hội an toàn, văn minh. Họ càng có mong muốn/ý định/dự định tham gia các hoạt động bảo vệ du lịch bền vững (Eshliki và Kaboudi, 2001). Từ kết quả nghiên cứu trên, trong nghiên cứu này tác giả cho rằng một khi cộng đồng có ý thức, thái độ tích cực với việc giữ gìn an ninh, an toàn trật tự xã hội, ý định/khả năng tham gia các chương trình du lịch bền vững càng cao. Vì vậy, giả thuyết H5 được đề xuất:

H5: Thái độ tích cực với việc giữ gìn an ninh, an toàn trật tự xã hội, ý định tham gia các chương trình phát triển du lịch bền vững càng tăng

nghiên cứu này phát triển thang đo của 06 thành phần trong mô hình đề xuất với các chỉ báo trong bảng 1.1.



Hình 1.1: Đề xuất mô hình nghiên cứu

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đo lường các khái niệm

Thang đo của khái niệm ẩn trong nghiên cứu này được phát triển từ các nghiên cứu trước và nghiên cứu định tính sơ bộ. Theo đó, dựa vào việc hệ thống hóa lý thuyết từ các nghiên cứu trước,

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết với cộng đồng địa phương tại thành phố Quy Nhơn. Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2016. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương

Bảng 1.1: Chỉ báo đo lường các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Biến quan sát	Chỉ báo	Nguồn gốc
Thái độ đối với bảo vệ môi trường (AMT)	03	Choi và Sirakaya (2005) Kim, Yun và Lee (2014)
Thái độ đối với bảo vệ tài nguyên du lịch (ATN)	03	Choi và Sirakaya (2005) Kim, Yun và Lee (2014)
Thái độ đối với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch (AHT)	06	Choi và Sirakaya (2005) Kim, Yun và Lee (2014)
Thái độ đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương (AVH)	03	Choi và Sirakaya (2005) Kim, Yun và Lee (2014)
Thái độ đối với giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội (AAN)	03	Choi và Sirakaya (2005) Kim, Yun và Lee (2014)
Ý định tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững (INT)	03	Choi và Sirakaya (2005) Kim, Yun và Lee (2014)

Nguồn: Kết quả tổng hợp của nhóm tác giả, 2016

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

pháp hạn ngạch với 200/220 phiếu phát ra. Tỷ lệ phiếu đạt yêu cầu để phân tích là 200/220 (90,9%) đã được đưa vào xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Kết quả thống kê cho thấy: (1) Số người

vụ du lịch có trọng số nhân tố thấp và không đảm bảo độ tin cậy, các thang đo cho khái niệm nghiên cứu đều đảm bảo yêu cầu cho phân tích hồi quy (bảng 1.2).

Bảng 1.2 : Kết quả phân tích nhân tố

Biến quan sát	Chỉ báo	Trọng số nhân tố	Cronbach 'alpha
Thái độ đối với bảo vệ môi trường (AMT)	03	0,79-0,83	0,82
Thái độ đối với bảo vệ tài nguyên du lịch (ATN)	03	0,72-0,85	0,67
Thái độ đối với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch (AHT)	04	0,68-0,84	0,78
Thái độ đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương (AVH)	03	0,72-0,84	0,83
Thái độ đối với giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội (AAN)	03	0,78-0,82	0,86
Ý định tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững (INT)	03	0,76-0,92	0,92

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2016

tham gia trả lời là nam chiếm 51%; (2) Đã lập gia đình (55%); Nhóm tuổi 26-45 chiếm 63%; (3) Thu nhập bình quân 3-9 triệu tháng chiếm gần 64%.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá sự phù hợp của dữ liệu cho phân tích nhân tố

Kết quả nghiên cứu cho kiểm định giá trị Barlett và giá trị KMO chỉ ra rằng sự phù hợp của dữ liệu cho phân tích nhân tố khám phá đối với thành phần biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình. Giá trị Barlett lần lượt là 1922,30 với mức ý nghĩa 0,000 chỉ ra rằng tồn tại sự tương quan giữa các biến. Giá trị KOM là 0,855 chỉ ra sự phù hợp của dữ liệu cho phân tích nhân tố khám phá. Phương pháp trích nhân tố sử dụng là principal axis factoring với phép xoay promax và điểm dừng khi trích các nhân tố có eigenvalue lớn hơn hoặc bằng 1. Thêm vào đó, các biến có trọng số (factor loading) lớn hơn 0.40 trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) sẽ được giữ lại, điều này giải thích mối liên hệ tốt giữa các thang đo lường và các nhân tố (Hair và cộng sự, 1998). Cuối cùng, nhằm kiểm định giá trị tin cậy và phân biệt giữa mỗi nhân tố, các nhân tố có hệ số Cronbach alpha lớn hơn 0,60 sẽ được giữ lại. Ngoại trừ 02 chỉ báo đo lường thái độ đối với phát triển cơ sở vật chất phục

Kết quả phân tích EFA cho các thành phần thái độ đạt được từ 16 biến quan sát (thuộc 5 nhân tố) đưa vào, có 4 nhân tố mới được tạo ra. Tổng phương sai trích là 69,544% cho biết 4 nhân tố này giải thích được 69,544% sự biến thiên của dữ liệu. Nhận thấy 3 nhân tố đầu chứa các biến trong cùng một nhân tố ban đầu nên giữ nguyên tên gọi các nhân tố ban đầu. Riêng nhân tố thái độ đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương và thái độ đối với an ninh, trật tự an toàn xã hội được nhóm thành 01.

4.2. Kết quả hồi quy

Kết quả hồi quy chỉ ra độ phù hợp của mô hình hồi quy với tập dữ liệu ($R^2 = 0,357$; giá trị $F = 28,672$; mức ý nghĩa thống kê $Sig = 0,000 < 0,05$). Hệ số hồi quy thể hiện mức độ ảnh hưởng dương của các thành phần khác nhau từ thái độ của cộng đồng địa phương ảnh hưởng lên ý định tham gia phát triển du lịch bền vững. Trong bốn nhân tố thì nhân tố thái độ đối với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch với $\beta = 0,41$ tác động mạnh nhất đến ý định tham gia phát triển du lịch bền vững. Sau đó lần lượt là các nhân tố thái độ đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương, an ninh, trật tự với $\beta = 0,19$; môi trường với $\beta = 0,137$; và tài nguyên du lịch $\beta = 0,097$.

Bảng 1.3 : Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Tổng kê t	Mức ý nghĩa	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
Hằng số	0,067	0,513		0,130	0,896		
AMT	0,155	0,076	0,137	2,049	0,042	0,717	1,394
ATN	0,160	0,096	0,097	1,667	0,097	0,963	1,038
AHT	0,465	0,080	0,410	5,787	0,000	0,645	1,551
AVHAN	0,171	0,058	0,190	2,939	0,004	0,776	1,288

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2016

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã đạt được mục tiêu là khám phá các nhân tố cấu thành thái độ của cộng đồng địa phương và ảnh hưởng của chúng đến ý định tham gia phát triển bền vững du lịch biển tại Quy Nhơn. Sau khi kiểm định độ tin cậy của thang đo, nhóm tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá cho các nhân tố: (1) thái độ đối với bảo vệ môi trường; (2) thái độ đối với bảo vệ tài nguyên du lịch; (3) thái độ đối với bảo vệ cơ sở hạ tầng kinh doanh du lịch; (4) thái độ đối với bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương và thái độ đối với gìn giữ an ninh trật tự xã hội tác động thuận chiều đến ý định tham gia phát triển du lịch biển bền vững. Kết quả nghiên cứu ủng hộ các giả thuyết đề xuất làm căn cứ quan trọng cho việc đề xuất kiến nghị nhằm phát huy vai trò của cộng đồng địa phương trong phát triển bền vững du lịch biển.

5.2. Kiến nghị

Trước hết, chính quyền địa phương cần chú trọng nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch; Kiểm tra các phương tiện dã dã, các chứng chỉ, giấy phép kinh doanh của chủ doanh nghiệp, trồng thêm nhiều cây xanh trên các tuyến đường trong thành phố Quy Nhơn; duy trì và phát triển các cảnh quan tự nhiên của thành phố...; mở rộng các sản phẩm du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí, tổ chức nhiều triển lãm hội chợ, cũng như các hoạt động văn hóa thể thao giải trí để giới thiệu đến du khách những nét đặc trưng của thành phố biển (như lặn biển, ngắm san hô, leo núi, khu ẩm thực, tổ chức nhiều lễ hội đặc sắc như lễ hội

festival biển, lễ hội ẩm thực,...) sẽ khơi dậy trong du khách niềm đam mê, mong muốn được hòa nhập cùng người dân địa phương.

Hai là, cần chủ động đảm bảo an ninh, trật tự cho thành phố khi tổ chức các lễ hội văn hóa, ca múa nhạc truyền thống, võ thuật cổ truyền, đảm bảo an toàn cho cả người dân tham gia trình diễn, người dân và du khách tham gia xem lễ hội. Đồng thời, đảm bảo chất lượng môi trường sống của người dân không bị ảnh hưởng bởi phát triển du lịch, tổ chức lễ hội nơi thông thoáng như quảng trường, nhà hát. Có những quy định chặt chẽ đối với du khách tham gia du lịch tránh gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người dân, có cả quy định cho người dân tham gia hoạt động kinh doanh du lịch nhằm tránh gây ảnh hưởng đến cuộc sống những người xung quanh. Ví dụ như kinh doanh nhà hàng, khách sạn, hoặc dùng nhà mình cho du khách thuê phải đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh gây ồn ào, cũng như nhiều quy định khác về an toàn phòng chống trộm cướp.

Ba là, cơ quan quản lý, lãnh đạo ban ngành cần phải thúc đẩy đạo đức môi trường cho các bên tham gia phát triển du lịch. Có quy định làm rõ trách nhiệm đạo đức môi trường đối với người dân sinh sống tại địa phương, du khách tham gia du lịch, sử dụng dịch vụ du lịch, nhà đầu tư phát triển du lịch và cuối cùng là cơ quan chức năng quy hoạch, cấp phép, quản lý đầu tư phát triển du lịch. Đồng thời, cần phải có và công bố rộng rãi tiêu chuẩn về môi trường, các tiêu chuẩn này cần phải chặt chẽ hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực của phát triển du lịch đến môi trường. Ngành du lịch

địa phương cần phải cải thiện môi trường hiện tại tốt hơn, bên cạnh đó vận động người dân tham gia cải thiện môi trường, đảm bảo môi trường sống trong lành cho thế hệ tương lai.

Bốn là, chính quyền địa phương cần thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi, sáng tạo và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương; hỗ trợ đầu tư cho các sản phẩm này để tạo nên sản phẩm du lịch đặc trưng của thành phố biển Quy Nhơn; tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng địa phương phát triển các ngành nghề kinh doanh khác mà vẫn thúc đẩy sự phát triển của du lịch như tài chính ngân hàng, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, buôn bán kinh doanh... Đồng thời, chính quyền xây dựng môi trường kinh doanh du lịch cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở tư nhân của địa phương và doanh nghiệp bên ngoài, nhất là các nhà hàng, khách sạn và các chương trình tour du lịch biển.

Cuối cùng, chính quyền nên thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức xã hội về du lịch cho người dân, khuyến khích cộng đồng cùng tham gia làm du lịch, tạo ra môi trường du lịch lành mạnh, bền vững; vận động người dân có lối sống lành mạnh và phát huy các đức tính tốt đẹp của người dân thành phố Quy Nhơn là thân thiện và mến khách; tổ chức liên kết hợp tác giữa cộng đồng địa phương và doanh nghiệp du lịch và đảm bảo quyền lợi cho cộng đồng. Chú trọng nâng cao kiến thức môi trường cho cộng đồng địa phương, mở các trường đào tạo về nghiệp vụ du lịch; tổ chức các chương trình phát triển du lịch nhằm vận động toàn cộng đồng địa phương của thành phố tham gia đóng góp ý tưởng, sáng kiến trong xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch để vừa mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương vừa xây dựng hình ảnh du lịch đặc trưng cho thành phố Quy Nhơn. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Ajzen, I., (1991), *The Theory of Planned Behaviour*, Organizational Behaviour and Human Decision Processes, 50 (2), 179-211.
2. Bender, M. T., Deng J., Selin, S., Arbogast, D., & Hobbs R. A. (2008), *Local Residents'*

Attitudes Toward Potential Tourism, Proceedings of the 2008 Northeastern Recreation Research Symposium, page 86 - 87.

3. Choi, C. & Sirakaya E. (2005), *Measuring Residents Attitude toward Sustainable tourism: Development of sustainable tourism attitude Scale*, Journal of Travel Research (Vol.43, 380-394), page 380 - 394.

4. Eshliki, S. A., & Kaboudi, M. (2011), *Community Perception of Tourism Impacts and their participation in Tourism planning*, Procedia - Social and Behavioral Sciences (No.36, 2012), page 333 - 341.

5. Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

6. Reinfeld, M. A. (2003), *Tourism and the politics of cultural preservation: A case study of butan*, Journal of Public and International Affairs, 14, 15-29.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Định (2014), *Báo cáo kết quả kinh doanh du lịch*.

8. Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) (2005), *Báo cáo hàng năm về phát triển du lịch*.

Summary

The study employs the technique of in-depth interview vi questionnaires delivered to local communities. Research sample was selected by quota sampling, 200 questionnaires were delivered in Quy Nhơn city. The hypothesis-testing results support 04/05 hypotheses, indicating that 4 elements of attitudes, (1) attitudes towards protecting the environment; (2) attitudes towards protecting tourism resources; (3) attitudes towards protecting tourism business infrastructure; (4) attitudes towards protecting local cultural identities and maintaining social order, have correlation to the intention of local communities to participate in sustainable tourism development. The research outcomes provide researchers and tourism administrators with an overall view on the important roles of local residents in sustainably developing sea-island tourism.